

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

## **NỘI DUNG**

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 – 4
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ</b>	5 – 6
<b>Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 33

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HĐQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 29 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Công ty có các chi nhánh sau:

<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 5, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP Hà Nội

### **SỰ KIỆN TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN**

Theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư Sao Thăng Long về việc: Thông qua chi tiết chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022 ngày 17/05/2022, Công ty dự kiến chào bán và phát hành thêm 115.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 1.150.000.000.000 VND trong năm 2022 với mục đích mua lại cổ phần của các cổ đông tại Công ty cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Theo Nghị quyết của Hội Đồng quản trị công ty cổ phần đầu tư Sao Thăng Long số 2107/2022/NQ-HĐQT ngày 21/07/2022, quyết định miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc của Công ty đối với bà Hứa Thị Anh Đào kể từ ngày 21/07/2022.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2022.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT – Đại diện pháp luật	
Ngô Quang Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm, ngày 21/3/2022
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên	
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 21/3/2022

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc	
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm, ngày 21/07/2022
Bà Phạm Thị Nhài	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm, ngày 24/01/2022

**Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng ban	
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/3/2022
Ông Hà Tuấn Sơn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên	Bổ nhiệm, ngày 21/3/2022

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, Công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tài chính tiếp theo.
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan về lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Nam Định, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
**(Đại diện pháp luật)**



**Nguyễn Đức Hiếu**

16/08/2022



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 546 /BCKT/TC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:**

**Quý cổ đông**

**Hội đồng Quản trị**

**Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được lập ngày 26 tháng 08 năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 được trình bày từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2022

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**



**Phó Tổng Giám đốc**

**Trần Thị Hạnh**

*Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán*

*Số: 0726-2018-133-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>159.651.410.895</b>	<b>131.226.935.765</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>620.828.020</b>	<b>2.941.400.122</b>
111	1. Tiền		620.828.020	2.941.400.122
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>95.638.380.754</b>	<b>107.230.733.220</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		109.680.432.674	109.023.849.274
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(14.042.051.920)	(1.793.116.054)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>52.470.075.369</b>	<b>20.063.809.912</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.346.550.045	18.531.372.509
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	48.709.514.093	1.065.472.473
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.231.164.808	2.282.978.507
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	8	(1.817.153.577)	(1.816.013.577)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	9	<b>10.846.040.757</b>	<b>891.454.862</b>
141	1. Hàng tồn kho		10.846.040.757	891.454.862
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>76.085.995</b>	<b>99.537.649</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	60.234.333
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		76.085.995	39.303.316
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	-
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>243.753.128.106</b>	<b>242.708.410.362</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>3.461.008.566</b>	<b>3.508.410.362</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.461.008.566	3.508.410.362
222	- Nguyên giá		3.886.947.140	3.886.947.140
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(425.938.574)	(378.536.778)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		-	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>240.212.600.000</b>	<b>239.200.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		201.012.600.000	180.000.000.000
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		39.200.000.000	59.200.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>79.519.540</b>	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	79.519.540	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>403.404.539.001</b>	<b>373.935.346.127</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022**  
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>19.827.602.338</b>	<b>13.488.800.954</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>14.719.122.338</b>	<b>10.169.771.547</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	9.122.908.438	2.690.931.311
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.587.530.694	1.391.090.264
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.993.896.905	6.087.749.972
314	4. Phải trả người lao động		-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	14.786.301	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		-	-
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>5.108.480.000</b>	<b>3.319.029.407</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	-	46.623.535
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		5.108.480.000	3.272.405.872
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>383.576.936.663</b>	<b>360.446.545.173</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>383.576.936.663</b>	<b>360.446.545.173</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		323.000.000.000	323.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		323.000.000.000	323.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		113.603.333	113.603.333
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(437.449.533)	(437.449.533)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		291.971.737	291.971.737
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		60.599.691.257	37.469.118.824
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		37.469.118.824	(7.528.769.885)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		23.130.572.433	44.997.888.709
422	6. Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		9.119.869	9.300.812
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>403.404.539.001</b>	<b>373.935.346.127</b>

Người lập biểu



Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng



Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Đơn vị tính: VND Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	7.849.502.886	15.862.716.843
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		7.849.502.886	15.862.716.843
11	4. Giá vốn hàng bán	19	7.225.524.583	14.857.832.040
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		623.978.303	1.004.884.803
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	42.072.604.616	5.342.784.250
22	7. Chi phí tài chính	21	12.263.722.167	610.505.167
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		14.786.301	237.737.549
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	22	109.922.480	276.516.767
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1.245.858.356	1.281.743.493
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		29.077.079.916	4.178.903.626
31	12. Thu nhập khác		4	40.000.000
32	13. Chi phí khác	24	116.717.398	205.106.049
40	14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(116.717.394)	(165.106.049)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		28.960.362.522	4.013.797.577
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		3.993.896.904	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		1.836.074.128	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		23.130.391.490	4.013.797.577
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		23.130.572.433	4.013.761.301
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(180.943)	36.276
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	718	125
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Người lập biểu

Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đại diện pháp luật)

Nguyễn Đức Hiếu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Phương pháp gián tiếp**  
**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**

Đơn vị tính: VND

<u>Mã số</u>	<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>28.960.362.522</b>	<b>4.013.797.577</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>	<b>(29.760.340.653)</b>	<b>(4.744.185.636)</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định	47.401.796	57.638.723
03	- Các khoản dự phòng	12.250.075.866	303.222.342
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(42.072.604.616)	(5.342.784.250)
06	- Chi phí lãi vay	14.786.301	237.737.549
07	- Các khoản điều chỉnh khác	-	-
08	<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>(799.978.131)</b>	<b>(730.388.059)</b>
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(32.444.188.136)	848.499.047
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	9.954.585.895	(4.763.685.190)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(14.001.343.353)	4.095.497.068
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(19.285.207)	42.539.421
13	- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	(712.586.693)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(6.075.557.950)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(43.385.766.882)</b>	<b>(1.220.124.406)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH	-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH	-	340.305.877
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(19.816.527.000)	(21.200.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	39.816.527.000	22.276.493.151
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(21.012.600.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	42.124.418.315	1.826.651.180
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>41.111.818.315</b>	<b>3.243.450.208</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Kỳ này	Kỳ trước
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	-	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	4.100.000.000	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.146.623.535)	(1.967.536.465)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	(700.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(46.623.535)</b>	<b>(2.667.536.465)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(2.320.572.102)</b>	<b>(644.210.663)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>2.941.400.122</b>	<b>2.659.395.517</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>620.828.020</b>	<b>2.015.184.854</b>

Nam Định, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nhài

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Sách – Thiết bị trường học Nam Định, thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 8588/QĐ – BGD&ĐT – TCCB ngày 29/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Nam Định theo Quyết định số 24/2017/QĐ – HDQT ngày 28/12/2017. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000526 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 05/01/2005.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0600004422 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp ngày 29 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: 13 Minh Khai, phường Nguyễn Du, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là: 323.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi ba tỷ đồng).

Mệnh giá cổ phần là 10.000 đ/cp, tương đương 32.300.000 cổ phần.

Số lượng cán bộ công nhân viên tại 30/06/2022 là: 11 người.

Công ty có các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long tại Hà Nội (Chi nhánh hạch toán phụ thuộc)	Số 19, ngõ 158 đường Nguyễn Văn Cừ, Tổ 5, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP Hà Nội

#### Cơ cấu tổ chức :

Tại ngày 30/06/2022, Công ty có 1 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau :

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động tài chính trong kỳ
1	Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định	

**Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty kinh doanh trong lĩnh vực: sản xuất, thương mại.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Bán buôn sách giáo khoa, sách khác, văn phòng phẩm; Bán buôn thiết bị đồ dùng dạy học, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xuất bản sách (Chi tiết: Phát hành sách);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (Chi tiết: Phát hành sách, báo, tạp chí, tranh ảnh bản đồ, đĩa CD và các ấn phẩm phục vụ giáo dục);
- Bán buôn đồ uống.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

**2.3. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.5. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.11. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

## 2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2022.

## 2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.16 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở số liệu của Công ty CP Đầu tư Sao Thăng Long và các Công ty con, bao gồm:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính
	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty CP sách và Thiết bị giáo dục Nam Định	99,880%	99,880%	TP Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

### (i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	468.444.198	2.874.533.225
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	152.383.822	66.866.897
<b>Cộng</b>	<b>620.828.020</b>	<b>2.941.400.122</b>

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>109.680.432.674</b>	<b>(14.042.051.920)</b>	<b>109.023.849.274</b>	<b>(1.793.116.054)</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn		-	-	-
- Trái phiếu			-	-
- Chứng khoán kinh doanh (*)	109.680.432.674	(14.042.051.920)	109.023.849.274	(1.793.116.054)
<b>Dài hạn</b>	<b>39.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>59.200.000.000</b>	<b>-</b>
- Trái phiếu (**)	39.200.000.000		59.200.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>148.880.432.674</b>	<b>(14.042.051.920)</b>	<b>168.223.849.274</b>	<b>(1.793.116.054)</b>

**(\*) Chi tiết chứng khoán kinh doanh**

(\*) Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu dầu khí Thái Bình: Số lượng 1.842.000 CP, giá trị là 104.668.451.920 VNĐ.

Cổ phiếu của Công ty CP Xăng dầu dầu khí Nam Định: Số lượng 231.573 CP, giá trị 5.011.980.754 VNĐ.

**(\*\*) Chi tiết trái phiếu**

Trái phiếu của Công ty CP quản lý tài sản Pyxis, ngày phát hành là 21/07/2021, ngày đến hạn là ngày 21/07/2024, mệnh giá là 1.000.000 VNĐ/TP. Số lượng Trái phiếu: 39.200 Trái phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết</b>	-	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>201.012.600.000</b>	-	<b>180.000.000.000</b>	-
Công ty cổ phần Du lịch sinh thái Kim Lan	100.000.000.000	(*)	100.000.000.000	(*)
Công ty cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	80.000.000.000	(*)	80.000.000.000	(*)
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	21.012.600.000	(*)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>201.012.600.000</b>	-	<b>180.000.000.000</b>	-

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TỬ SAO THẮNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Thông tin chi tiết về đầu tư vào các Công ty khác của công ty tại ngày 30/06/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Du lịch sinh thái Kim Lan	TP Hà Nội	16,67%	16,67%	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
Công ty cổ phần phát triển thương mại Vinaconex	TP Hà Nội	10,00%	10,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	TP Hồ Chí Minh	19,99%	19,99%	May trang phục

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Phải thu các phòng Giáo dục	2.733.964.465	4.697.680.624
Đàm Mạnh Quân		3.500.000.000
Nguyễn Thùy Linh		8.000.000.000
Các đối tượng khác	612.585.580	2.333.691.885
<b>Cộng</b>	<b>3.346.550.045</b>	<b>18.531.372.509</b>

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700	981.687.700
Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ SMARTTECH (*)	8.950.000.000	
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tài Chính Sao Kim (**)	38.728.124.300	
Các đối tượng khác	49.702.093	83.784.773
<b>Cộng</b>	<b>48.709.514.093</b>	<b>1.065.472.473</b>

(\*) Khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ SMARTTECH để mua Trái phiếu Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp WinCommerce theo Hợp đồng đặt cọc mua Trái phiếu số 29032022/HDDC/DST-SMARTTECH ngày 29/03/2022. Số lượng mua: 13.050 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 VND/Trái phiếu. Tổng giá trị hợp đồng: 13.050.000.000 VND.

(\*\*) Khoản ứng trước cho Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Sao Kim để mua các Trái phiếu sau:

- Trái phiếu Công ty cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp WinCommerce theo Hợp đồng đặt cọc mua Trái phiếu số 27042022/HDDC/DST-SAOKIM ngày 27/04/2022. Số lượng mua: 28.730 trái phiếu, mệnh giá: 1.000.000 VND/Trái phiếu. Tổng giá trị hợp đồng 28.730.000.000 VND.

- Trái phiếu Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP theo Hợp đồng đặt cọc mua Trái phiếu số 26042022/HDDC/DST-SAOKIM ngày 26/04/2022. Số lượng mua: 10.000, mệnh giá: 1.000.000 VND/Trái phiếu. Tổng giá trị hợp đồng: 10.000.000.000 VND.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>2.231.164.808</b>	-	<b>2.282.978.507</b>	-
Tạm ứng	-	-	-	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	-	-
Phải thu khác ngắn hạn (*)	2.231.164.808	-	2.282.978.507	-
<b>Cộng</b>	<b>2.231.164.808</b>	-	<b>2.282.978.507</b>	-
<b>c. Các bên liên quan</b>	<b>2.074.915.068</b>	-	<b>2.113.578.082</b>	-

(Chi tiết các bên liên quan tại thuyết minh số 28)

(\*) Chi tiết số dư:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty cổ phần du lịch sinh thái Kim Lan		13.150.685
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	2.074.915.068	2.113.578.082
Các khoản khác	156.249.740	156.249.740
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.231.164.808</b>	<b>2.282.978.507</b>

**8. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
KL TP Nam Định (vở luyện C1)	313.921.200		313.921.200	
KL TP Ý Yên	199.761.600		199.761.600	
Công ty TNHH Mạnh Thành Quang	981.687.700		981.687.700	
KL Hải Hậu (vở luyện C1)	151.668.800		151.668.800	
KL Công nghệ GD C1(Nam Trực)	136.000.250		136.000.250	
Các đối tượng khác	34.114.027		34.114.027	1.140.000
	<b>1.817.153.577</b>	<b>-</b>	<b>1.817.153.577</b>	<b>1.140.000</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hoá	10.846.040.757		891.454.862	
	<b>10.846.040.757</b>	<b>-</b>	<b>891.454.862</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ		60.234.333
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>60.234.333</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ	79.519.540	
<b>Cộng</b>	<b>79.519.540</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số đầu năm</b>	3.886.947.140				3.886.947.140
- Mua trong kỳ					
- Đầu tư hoàn thành					
- Phân loại lại					
- Góp vốn bằng tài sản					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số cuối kỳ</b>	3.886.947.140				3.886.947.140
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số đầu năm</b>	378.536.778				378.536.778
- Khấu hao trong kỳ	47.401.796				47.401.796
- Tăng khác					
- Phân loại lại					
- Góp vốn bằng tài sản					
- Thanh lý nhượng bán					
- Giảm khác					
<b>Số cuối kỳ</b>	425.938.574				425.938.574
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	3.508.410.362				3.508.410.362
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	3.461.008.566				3.461.008.566

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND  
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THẮNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số đầu năm	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn						
- Vay ngân hàng	-	-	4.100.000.000	4.146.623.535	46.623.535	46.623.535
Vay cá nhân	-	-	4.100.000.000	4.146.623.535	46.623.535	46.623.535
<b>Cộng</b>	-	-	<b>4.100.000.000</b>	<b>4.146.623.535</b>	<b>46.623.535</b>	<b>46.623.535</b>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay:

Vay cá nhân Ông Đình Văn Nghĩa

+ Thời hạn: 12 tháng

+ Lãi suất: 0%

+ Biện pháp đảm bảo: không có tài sản đảm bảo

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Giáo dục Cánh Diều	1.291.869.120	1.291.869.120	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	1.328.472.590	1.328.472.590	-	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	-	-	1.037.477.812	1.037.477.812
Công ty CP đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội	5.997.563.445	5.997.563.445	1.646.619.255	1.646.619.255
Các đối tượng khác	505.003.283	505.003.283	6.834.244	6.834.244
<b>Cộng</b>	<b>9.122.908.438</b>	<b>9.122.908.438</b>	<b>2.690.931.311</b>	<b>2.690.931.311</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty CP đầu tư và thương mại NKC Việt Nam	1.376.411.100	1.376.411.100
- Các đối tượng khác	211.119.594	14.679.164
<b>Cộng</b>	<b>1.587.530.694</b>	<b>1.391.090.264</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Giảm khác	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	12.192.021	1.459.524	13.651.545	-	-
Thuế Thu nhập doanh	-	6.075.557.951	3.993.896.904	6.075.557.950	-	3.993.896.905
Thuế Thu nhập cá	-	-	4.280.000	4.280.000	-	-
Phí, lệ phí và các	-	12.709.615	6.306.355	19.015.970	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.100.459.587</b>	<b>4.005.942.783</b>	<b>6.112.505.465</b>	<b>-</b>	<b>3.993.896.905</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Lãi vay	14.786.301	-
<b>Cộng</b>	<b>14.786.301</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SAO THĂNG LONG**

Số 13 Minh Khai, P. Nguyễn Du, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	(5.235.806.906)	12.199.376	317.744.518.007
- Tăng vốn trong năm trước					44.997.974.672	(2.898.564)	44.995.076.108
- Lãi (lỗ) trong năm trước					(2.293.048.942)		
- Tăng khác							
- Giảm khác							
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>113.603.333</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>291.971.737</b>	<b>37.469.118.824</b>	<b>9.300.812</b>	<b>(2.293.048.942)</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	323.000.000.000	113.603.333	(437.449.533)	291.971.737	37.469.118.824	9.300.812	360.446.545.173
- Tăng vốn trong kỳ này							
- Lãi (lỗ) trong kỳ này					23.130.572.433	(180.943)	23.130.391.490
- Tăng khác							
- Giảm do thoái vốn							
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>113.603.333</b>	<b>(437.449.533)</b>	<b>291.971.737</b>	<b>60.599.691.257</b>	<b>9.119.869</b>	<b>383.576.936.663</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Các cổ đông	323.000.000.000	100,0%	323.000.000.000	100,0%
	<b>323.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	323.000.000.000	323.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- <b>Vốn góp cuối kỳ</b>	<b>323.000.000.000</b>	<b>323.000.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.300.000	32.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.300.000	32.300.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.300.000</i>	<i>32.300.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	81.000	81.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>81.000</i>	<i>81.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.219.000	32.219.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.219.000</i>	<i>32.219.000</i>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**f. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	291.971.737	291.971.737

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	7.849.502.886	15.862.716.843
<b>Cộng</b>	<b>7.849.502.886</b>	<b>15.862.716.843</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hàng hóa	7.225.524.583	14.857.832.040
<b>Cộng</b>	<b>7.225.524.583</b>	<b>14.857.832.040</b>

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	4.082.768	2.713.017.037
- Lãi trái phiếu	3.332.120.548	2.629.767.213
- Chiết khấu thanh toán	-	-
- Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	38.736.401.300	-
<b>Cộng</b>	<b>42.072.604.616</b>	<b>5.342.784.250</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	14.786.301	237.737.549
- Chiết khấu thanh toán	-	372.767.618
- Trích lập/hoàn nhập dự phòng	12.248.935.866	
<b>Cộng</b>	<b>12.263.722.167</b>	<b>610.505.167</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	-	38.684.162
- Chi phí nhân công	-	91.763.400
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	58.669.951
- Chi phí khác bằng tiền	109.922.480	87.399.254
<b>Cộng</b>	<b>109.922.480</b>	<b>276.516.767</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	23.070.349	41.733.000
- Chi phí nhân công	863.204.428	424.909.097
- Chi phí khấu hao	23.700.898	51.405.395
- Thuế, phí, lệ phí	4.306.355	8.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.477.053	337.339.682
- Chi phí khác bằng tiền	130.959.273	115.133.967
- Chi phí dự phòng	1.140.000	303.222.352
<b>Cộng</b>	<b>1.245.858.356</b>	<b>1.281.743.493</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
- Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	116.717.398	113.386.575
- Khác	-	91.719.474
<b>Cộng</b>	<b>116.717.398</b>	<b>205.106.049</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	23.130.572.433	4.013.761.301
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23.130.572.433	4.013.761.301
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	32.219.000	32.219.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>718</b>	<b>125</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ trước	Kỳ này
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	23.070.349	33.511.076
- Chi phí nhân công	863.204.428	516.672.497
- Chi phí khấu hao	23.700.898	51.405.395
- Chi phí dự phòng	1.140.000	303.222.352
- Thuế, phí, lệ phí	4.306.355	8.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.477.053	538.940.010
- Chi phí khác bằng tiền	240.881.753	202.533.221
<b>Cộng</b>	<b>1.355.780.836</b>	<b>1.654.284.551</b>

## 27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	620.828.020		2.941.400.122	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.577.714.853	(1.817.153.577)	20.814.351.016	(1.816.013.577)
Đầu tư ngắn hạn	109.680.432.674	(14.042.051.920)	109.023.849.274	(1.793.116.054)
Đầu tư dài hạn	240.212.600.000	-	59.200.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>356.091.575.547</b>	<b>(15.859.205.497)</b>	<b>191.979.600.412</b>	<b>(3.609.129.631)</b>

  

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	-	46.623.535
Phải trả người bán, phải trả khác	9.122.908.438	2.690.931.311
Chi phí phải trả	14.786.301	-
<b>Cộng</b>	<b>9.137.694.739</b>	<b>2.737.554.846</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

### Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất cố lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	620.828.020			620.828.020
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.577.714.853	-		5.577.714.853
<b>Cộng</b>	<b>6.198.542.873</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.198.542.873</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản trong đương tiền	2.941.400.122			2.941.400.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.814.351.016	-		20.814.351.016
<b>Cộng</b>	<b>23.755.751.138</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.755.751.138</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả người bán, phải trả Chi phí phải trả	9.122.908.438 14.786.301	- -		9.122.908.438 14.786.301
<b>Cộng</b>	<b>9.137.694.739</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.137.694.739</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	-	46.623.535		46.623.535
Phải trả người bán, phải trả	2.690.931.311	-		2.690.931.311
<b>Cộng</b>	<b>2.690.931.311</b>	<b>46.623.535</b>	<b>-</b>	<b>2.737.554.846</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo



## 28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## 29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

### Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

### Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động bán thành phẩm	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	7.849.502.886	-	-	7.849.502.886
Chi phí bộ phận	7.225.524.583	-	-	7.225.524.583
<b>Kết quả kinh doanh bộ</b>	<b>623.978.303</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>623.978.303</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>				<b>1.355.780.836</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(731.802.533)
Doanh thu hoạt động tài chính				42.072.604.616
Chi phí tài chính				12.263.722.167
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết				-
Thu nhập khác				4
Chi phí khác				116.717.398
Thuế TNDN hiện hành				3.993.896.904
Thuế TNDN hoãn lại				1.836.074.128
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>				<b>23.130.391.490</b>

## 30. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

### a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	Công ty đầu tư tỷ lệ 19.99%
Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan	Công ty nắm giữ 16,67% từ ngày 24/12/2021
Ông Bùi Việt Dũng	Tổng Giám đốc từ ngày 04/8/2021
Bà Hứa Thị Anh Đào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Mạnh	Tổng Giám đốc đến ngày 03/8/2021

**b. Giao dịch với bên liên quan**

**- Giao dịch phát sinh trong kỳ**

	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>
	VND	VND
<b>Lãi trái phiếu</b>		
Công ty CP quản lý tài sản Pyxis	2.074.915.068	1.383.287.671

Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan

**Thu lãi trái phiếu**

Công ty CP quản lý tài sản Pyxis

Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan

**Số dư các bên liên quan**

**Phải thu khác**

Công ty CP quản lý tài sản Pyxis

Công ty CP Du lịch sinh thái Kim Lan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
	2.074.915.068	2.113.578.082
		<b>13.150.685</b>

**c. Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc**

	<u>Năm nay</u>
	VND
- Ông Bùi Việt Dũng - Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc	39.960.000
- Bà Hứa Thị Anh Đào - Phó Tổng Giám đốc đến ngày 21/07/2022	15.960.000
<b>Cộng</b>	<b>55.920.000</b>

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu

Phạm Thị Nhài

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nhài

Nam Định, ngày 26 tháng 08 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng quản trị  
(Đại diện pháp luật)



Nguyễn Đức Hiếu